



GOETHE-ZERTIFIKAT A1: FIT IN DEUTSCH 1

DURCHFÜHRUNGSBESTIMMUNGEN CÁC QUY ĐỊNH TỔ CHỨC THI

Stand: 1. September 2023

Cập nhật ngày 01.09.2023

**GOETHE
INSTITUT**

Sprache. Kultur. Deutschland.

Durchführungsbestimmungen zur Prüfung GOETHE-ZERTIFIKAT A1: FIT IN DEUTSCH 1

Stand: 1. September 2023

Die *Durchführungsbestimmungen* zur Prüfung für Jugendliche GOETHE-ZERTIFIKAT A1: FIT IN DEUTSCH 1 sind Bestandteil der *Prüfungsordnung des Goethe-Instituts* in ihrer jeweils aktuellen Fassung.

Die *Durchführungsbestimmungen* beschreiben die Bestandteile der einzelnen Prüfungen und regeln die prüfungsspezifischen Bedingungen der Prüfungsorganisation, des Ablaufs und der Bewertung sowie die Berechnung der Prüfungsergebnisse.

Die Prüfung FIT IN DEUTSCH 1 wird vom Goethe-Institut getragen. Sie wird an den in § 2 der *Prüfungsordnung* genannten Prüfungszentren weltweit nach einheitlichen Kriterien durchgeführt und bewertet.

Die Prüfung dokumentiert die erste Stufe – A1 – der im *Gemeinsamen europäischen Referenzrahmen für Sprachen (GER)* beschriebenen sechsstufigen Kompetenzskala und damit die Fähigkeit zur elementaren Sprachverwendung.

§ 1 Prüfungsbeschreibung

Siehe hierzu auch *Prüfungsordnung* § 1.

1.1 Bestandteile der Prüfung

Die Prüfung FIT IN DEUTSCH 1 besteht aus folgenden obligatorischen Teilprüfungen:

- schriftliche Gruppenprüfung,
- mündliche Gruppenprüfung.

1.2 Prüfungsmaterialien

Die Prüfungsmaterialien bestehen aus *Kandidatenblättern* mit dem *Antwortbogen (Hören, Lesen, Schreiben)*, *Prüferblättern* mit den Bögen *Sprechen – Bewertung, Sprechen – Ergebnis* und dem Bogen *Gesamtergebnis* sowie Tonträgern.

Các quy định tổ chức kỳ thi GOETHE-ZERTIFIKAT A1: FIT IN DEUTSCH

Cập nhật: ngày 01.09.2023

Các quy định tổ chức thi dành cho thanh thiếu niên GOETHE-ZERTIFIKAT A1: FIT IN DEUTSCH 1 là một phần thuộc *Quy chế thi* hiện hành của *Viện Goethe*.

Các quy định tổ chức thi miêu tả cấu trúc của từng kỳ thi và quy định các điều kiện cụ thể về việc tổ chức thi, quy trình thi, chấm điểm và tính kết quả thi.

Kỳ thi FIT IN DEUTSCH 1 được thực hiện bởi viện Goethe. Kỳ thi này được tổ chức và chấm điểm theo các tiêu chí thống nhất tại các trung tâm tổ chức thi trên toàn cầu được nêu trong § 2 của *Quy chế thi*.

Kỳ thi này chứng nhận bậc trình độ đầu tiên - A1 trong thang đánh giá năng lực gồm 6 bậc được mô tả trong *Khung tham chiếu ngôn ngữ chung Châu Âu (GER)* và theo đó chứng nhận khả năng sử dụng ngôn ngữ ở mức cơ bản.

§ 1 Mô tả kỳ thi

Đọc *Quy chế thi* § 1.

1.1 Cấu trúc kỳ thi

Kỳ thi FIT IN DEUTSCH 1 bao gồm các phần thi bắt buộc sau:

- phần thi viết theo nhóm,
- phần thi nói theo nhóm.

1.2 Tài liệu thi

Tài liệu thi bao gồm *Tài liệu thi dành cho thí sinh có Phiếu trả lời (Nghe, Đọc, Viết)*, *Tài liệu dành cho người chấm thi có Phiếu chấm Nói, Phiếu Kết quả Nói* và *Phiếu Kết quả tổng hợp* cũng như đĩa nghe.

Die *Kandidatenblätter* enthalten die Aufgaben für die Prüfungsteilnehmenden:

- Aufgaben zum Prüfungsteil HÖREN (Teil 1 und 2);
- Texte und Aufgaben zum Prüfungsteil LESEN (Teil 1 und 2);
- Texte und Aufgaben zum Prüfungsteil SCHREIBEN.

Für den Prüfungsteil SPRECHEN erhalten die Prüfungsteilnehmenden Erläuterungen und jeweils ein Beispiel zu den Aufgaben sowie Stichwörter, Themen- und Handlungskarten (Teil 1-3).

In den *Antwortbogen* tragen die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen bzw. ihren Text ein.

Die *Prüferblätter* enthalten

- die Transkriptionen der Hörtexte;
- die Lösungen;
- die Anweisungen zur Bewertung der schriftlichen Prüfungsteile;
- die Anweisungen zur Durchführung und Bewertung der mündlichen Prüfung.

In die Ergebnisfelder auf dem *Antwortbogen* zu den Prüfungsteilen LESEN, HÖREN, SCHREIBEN und in den Bogen *Sprechen – Ergebnis* tragen die Prüfenden ihre Bewertung ein. Auf dem Bogen *Gesamtergebnis* werden die Ergebnisse der Teilprüfungen zusammengeführt.

Die Tonträger enthalten die Texte zum Prüfungsteil HÖREN sowie alle Anweisungen und Informationen.

1.3 Prüfungssätze

Die Materialien zu den schriftlichen Prüfungsteilen sind jeweils in *Prüfungssätzen* zusammengefasst. Die Materialien zum Prüfungsteil SPRECHEN können untereinander und mit den schriftlichen *Prüfungssätzen* beliebig kombiniert werden.

1.4 Zeitliche Organisation

Die schriftliche Prüfung findet in der Regel vor der mündlichen statt. Falls schriftliche und mündliche Prüfung nicht am selben Tag stattfinden, liegen zwischen schriftlicher und mündlicher Prüfung maximal 14 Tage.

Tài liệu thi dành cho thí sinh bao gồm các đề bài cho thí sinh:

- Đề bài cho phần thi NGHE (Phần 1 và 2);
- Các văn bản và đề bài cho phần thi ĐỌC (Phần 1 và 2);
- Các văn bản và đề bài cho phần thi VIẾT.

Đối với phần thi NÓI, thí sinh được giải thích về đề bài và mỗi phần đều có một ví dụ cũng như từ gợi ý, phiếu ghi chủ đề và tình huống (Phần 1-3).

Thí sinh ghi các đáp án hoặc bài viết của mình vào *Phiếu trả lời*.

Tài liệu dành cho người chấm thi bao gồm:

- phần lời thoại các bài nghe;
- các đáp án;
- các hướng dẫn chấm phần thi viết;
- các hướng dẫn thực hiện và chấm điểm phần thi nói.

Người chấm thi điền đánh giá của mình vào phần kết quả trên *Phiếu trả lời* cho các phần thi ĐỌC, NGHE, VIẾT và vào *Phiếu Kết quả Nói*. Kết quả của các phần thi được tổng hợp lại trên tờ *Phiếu Kết quả tổng hợp*.

Đĩa nghe bao gồm các bài của phần thi NGHE cũng như tất cả các thông tin và chỉ dẫn làm bài thi.

1.3 Đề thi

Tài liệu các phần thi viết được tổng hợp thành *bộ đề thi*. Các đề thi Nói có thể được kết hợp với nhau và kết hợp cùng *bộ đề thi* viết linh hoạt.

1.4 Thời gian thi

Thông thường phần thi viết diễn ra trước phần thi nói. Trường hợp phần thi viết và thi nói không diễn ra trong cùng một ngày thì thời hạn tối đa giữa hai phần thi là 14 ngày.

Die schriftliche Prüfung dauert ohne Pausen insgesamt 60 Minuten:

Prüfungsteil	Dauer
HÖREN	ca. 20 Minuten
LESEN	20 Minuten
SCHREIBEN	20 Minuten
Gesamt	60 Minuten

Phần thi viết diễn ra liên tục trong 60 phút không có giải lao:

Phần thi	Thời gian thi
NGHE	khoảng 20 phút
ĐỌC	20 phút
VIẾT	20 phút
Tổng cộng	60 phút

Der Prüfungsteil SPRECHEN wird als Gruppenprüfung mit maximal 6 Teilnehmenden durchgeführt. Die Gruppenprüfung dauert circa 15 Minuten. Es gibt keine Vorbereitungszeit.

Phần thi NÓI được tiến hành theo hình thức thi nhóm với tối đa là 6 thí sinh dự thi. Phần thi theo nhóm kéo dài khoảng 15 phút. Không có thời gian chuẩn bị thi.

Für Prüfungsteilnehmende mit spezifischem Bedarf können die angegebenen Zeiten verlängert werden. Einzelheiten sind in den Ergänzungen zu den Durchführungsbestimmungen: Prüfungsteilnehmende mit spezifischem Bedarf geregelt.

Đối với những thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt thì thời gian thi nêu trên có thể kéo dài hơn. Chi tiết về mục này được nêu trong Các quy định tổ chức thi bổ sung: Những thí sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

1.5 Protokoll über die Durchführung der Prüfung

Über die Durchführung der Prüfung wird ein Protokoll geführt, das besondere Vorkommnisse während der Prüfung festhält und mit den Prüfungsergebnissen archiviert wird.

1.5 Biên bản tổ chức thi

Quá trình tổ chức thi được ghi lại trong Biên bản thi, trong đó nêu những sự việc đặc biệt diễn ra trong quá trình thi và được lưu trữ cùng với kết quả thi.

§ 2 Die schriftliche Prüfung

Für die schriftliche Prüfung wird folgende Reihenfolge empfohlen: HÖREN – LESEN – SCHREIBEN. Aus organisatorischen Gründen kann die Reihenfolge der Prüfungsteile von den Prüfungszentren geändert werden.

§ 2 Phần thi viết

Phần thi viết được gợi ý thực hiện theo trình tự sau: NGHE – ĐỌC – VIẾT. Vì những lý do về tổ chức, trình tự thi này có thể được thay đổi bởi trung tâm tổ chức thi.

Zwischen den Prüfungsteilen ist keine Pause vorgesehen.

Giữa các phần thi không có nghỉ giải lao.

2.1 Vorbereitung

Vor dem Prüfungstermin bereitet der/die Prüfungsverantwortliche unter Beachtung der Geheimhaltung die Prüfungsmaterialien vor. Dazu gehört auch eine nochmalige inhaltliche Überprüfung.

2.1 Chuẩn bị thi

Trước kỳ thi, người phụ trách tổ chức kỳ thi chuẩn bị tài liệu thi theo nguyên tắc bảo mật. Việc chuẩn bị cũng bao gồm cả việc kiểm tra lại nội dung đề thi.

2.2 Ablauf

Vor Beginn der Prüfung weisen sich alle Teilnehmenden aus. Die Aufsichtsperson gibt danach alle notwendigen organisatorischen Hinweise.

Vor Beginn der jeweiligen Prüfungsteile werden die entsprechenden *Kandidatenblätter* und der *Antwortbogen* ausgegeben. Die Teilnehmenden tragen alle erforderlichen Daten auf dem *Antwortbogen* ein; erst dann beginnt die eigentliche Prüfungszeit.

Die *Kandidatenblätter* zu den jeweiligen Prüfungsteilen werden ohne Kommentar ausgegeben; alle Aufgabenstellungen sind auf den *Kandidatenblättern* erklärt. Am Ende der jeweiligen Prüfungsteile werden alle Unterlagen eingesammelt. Beginn und Ende der Prüfungszeit werden jeweils in geeigneter Form von der Aufsichtsperson mitgeteilt.

Für die schriftliche Prüfung gilt folgender Ablauf:

1. Die Prüfung beginnt in der Regel mit dem Prüfungsteil HÖREN. Der Tonträger wird von der Aufsichtsperson gestartet. Die Teilnehmenden markieren bzw. schreiben ihre Lösungen zunächst auf den *Kandidatenblättern* und übertragen sie am Ende auf den *Antwortbogen*. Für das Übertragen ihrer Lösungen auf den *Antwortbogen* stehen den Teilnehmenden circa 5 Minuten innerhalb der Prüfungszeit zur Verfügung.
2. Anschließend bearbeiten die Teilnehmenden die Prüfungsteile LESEN und SCHREIBEN in der von den Teilnehmenden gewünschten Reihenfolge. Im Prüfungsteil LESEN markieren bzw. schreiben die Teilnehmenden ihre Lösungen zunächst auf den *Kandidatenblättern* und übertragen sie am Ende auf den *Antwortbogen*. Für das Übertragen ihrer Lösungen planen die Teilnehmenden circa 5 Minuten innerhalb der Prüfungszeit ein.
3. Den Text zum Prüfungsteil SCHREIBEN verfassen die Teilnehmenden im Regelfall direkt auf dem *Antwortbogen*.

2.2 Quy trình thi

Trước khi bắt đầu thi, các thí sinh trình chứng minh nhân thân. Sau đó, giám thị coi thi thông báo tất cả các hướng dẫn cần thiết thuộc về khâu tổ chức.

Trước khi bắt đầu các phần thi, thí sinh được phát *Tài liệu dành cho thí sinh* cùng *Phiếu trả lời*. Thí sinh điền đầy đủ tất cả các thông tin yêu cầu vào *Phiếu trả lời* này. Sau đó, thời gian thi mới chính thức bắt đầu.

Tài liệu thi dành cho thí sinh cho các phần thi được phát mà không có bất cứ bình luận nào; tất cả các yêu cầu đề bài đã được giải thích trong *Tài liệu thi dành cho thí sinh*. Sau phần thi, tất cả các tài liệu thi được thu lại. Giám thị coi thi thông báo thời điểm bắt đầu và kết thúc giờ thi thông qua hình thức phù hợp.

Phần thi viết diễn ra theo trình tự như sau:

1. Thông thường kỳ thi bắt đầu với phần thi NGHE. Giám thị coi thi bật đĩa nghe. Thí sinh trước hết đánh dấu hoặc viết phần trả lời của mình vào *Tài liệu thi dành cho thí sinh*, sau cùng chuyển phần trả lời vào *Phiếu trả lời*. Các thí sinh có khoảng 5 phút trong khoảng thời gian thi để chuyển câu trả lời của mình vào *Phiếu trả lời*.
2. Tiếp theo các thí sinh làm bài thi ĐỌC và VIẾT theo trình tự tùy chọn. Trong phần thi ĐỌC, thí sinh trước hết đánh dấu hoặc viết phần trả lời của mình vào *Tài liệu thi dành cho thí sinh* và sau cùng chuyển phần trả lời này vào *Phiếu trả lời*. Thí sinh dành khoảng 5 phút trong thời gian thi cho việc chuyển câu trả lời vào phiếu.
3. Thông thường thí sinh ghi trực tiếp bài thi VIẾT vào *Phiếu trả lời*.

§ 3 Der Prüfungsteil SPRECHEN

Die Teile 1, 2 und 3 des Prüfungsteils SPRECHEN dauern jeweils circa 5 Minuten.

3.1 Organisation

Für die Prüfung steht ein geeigneter Raum zur Verfügung. Tisch- und Sitzordnung werden so gewählt, dass eine freundliche Prüfungsatmosphäre entsteht.

Wie in der schriftlichen Prüfung muss die Identität der Teilnehmenden vor Beginn der mündlichen Prüfung, gegebenenfalls auch während der mündlichen Prüfung, zweifelsfrei festgestellt werden.

3.2 Vorbereitung

Es gibt keine Vorbereitungszeit. Die Teilnehmenden erhalten die Aufgabenstellung direkt in der Prüfung.

3.3 Ablauf

Der Prüfungsteil SPRECHEN wird von zwei Prüfenden durchgeführt. Eine/-r der Prüfenden übernimmt die Moderation des Prüfungsteils SPRECHEN.

Für den Prüfungsteil SPRECHEN gilt folgender Ablauf:

Zu Beginn begrüßen die Prüfenden die Teilnehmenden und stellen sich selbst kurz vor. Die Prüfenden erläutern vor Beginn jedes Teiles die Aufgabenstellung und verdeutlichen diese anhand eines Beispiels. Außerdem entscheiden sie, welche/-r Teilnehmende beginnt.

1. In Teil 1 stellen sich die Teilnehmenden nacheinander anhand der Stichworte auf den *Kandidatenblättern* vor.
2. In Teil 2 sprechen die Teilnehmenden miteinander; sie formulieren Fragen und reagieren darauf.
3. In Teil 3 formulieren die Teilnehmenden Bitten oder Aufforderungen an die anderen Teilnehmenden und reagieren darauf.

Am Ende der Prüfung werden alle Unterlagen eingesammelt.

§ 3 Phần thi NÓI

Các phần 1,2 và 3 của kỳ thi NÓI kéo dài mỗi phần khoảng 5 phút.

3.1 Khâu tổ chức

Một phòng phù hợp được bố trí cho kỳ thi. Việc sắp xếp bàn và ghế phải đảm bảo tạo được bầu không khí thi cử thân thiện.

Tương tự như ở phần thi viết, danh tính của thí sinh dự thi phải được xác định trước khi phần thi nói bắt đầu, hoặc có thể ngay cả trong quá trình thi nói diễn ra.

3.2 Chuẩn bị thi

Thí sinh không có thời gian chuẩn bị trước. Thí sinh nhận đề thi ngay trong buổi thi.

3.3 Quy trình thi

Phần thi NÓI được tiến hành bởi hai người hỏi thi. Một trong hai người hỏi thi đảm nhận việc dẫn dắt phần thi NÓI.

Phần thi NÓI diễn ra theo trình tự sau:

Mở đầu, người hỏi thi chào hỏi các thí sinh và tự giới thiệu ngắn gọn về bản thân. Trước khi bắt đầu mỗi phần thi, người hỏi thi giải thích yêu cầu đề bài và làm rõ các yêu cầu này thông qua một ví dụ. Ngoài ra, người hỏi thi quyết định thí sinh nào bắt đầu trước.

1. Trong phần 1, thí sinh lần lượt giới thiệu về bản thân dựa trên những từ gợi ý đã cho sẵn trên *Tài liệu thi dành cho thí sinh*.
2. Ở phần 2, các thí sinh nói với nhau, diễn đạt các câu hỏi và phản ứng lại các câu hỏi.
3. Trong phần 3, các thí sinh diễn đạt yêu cầu hoặc đề nghị đối với thí sinh khác và trả lời lại những đề nghị, yêu cầu được đưa ra.

Tất cả các tài liệu thi được thu lại khi kết thúc phần thi.

§ 4 Bewertung schriftliche Prüfung

Die Bewertung der schriftlichen Prüfungsteile findet im Prüfungszentrum oder in ausgewiesenen Diensträumen statt. Die Bewertung erfolgt durch zwei unabhängig Bewertende. Auf dem *Antwortbogen* werden in dem Feld *Gesamtergebnis* die erreichten Punkte der Prüfungsteile HÖREN, LESEN und SCHREIBEN zusammengeführt.

Die Ergebnisse aus der schriftlichen Prüfung werden nicht an die Prüfenden der mündlichen Prüfung weitergegeben.

4.1 HÖREN

Im Prüfungsteil HÖREN sind maximal 18 Punkte erreichbar. Es werden nur die vorgesehenen Punktwerte vergeben, pro Lösung 1 Punkt oder 0 Punkte. Zur Berechnung des Ergebnisses werden die vergebenen Punkte addiert und mit dem Faktor 1,5 multipliziert. Halbe Punkte werden nicht aufgerundet.

Die erzielten Punkte werden auf dem *Antwortbogen* im Feld *Ergebnis Hören* eingetragen und von beiden Bewertenden gezeichnet.

4.2 LESEN

Im Prüfungsteil LESEN sind maximal 12 Punkte erreichbar. Es werden nur die vorgesehenen Punktwerte vergeben, pro Lösung 1 Punkt oder 0 Punkte. Zur Berechnung des Ergebnisses werden die vergebenen Punkte addiert. Die erzielten Punkte werden auf dem *Antwortbogen* im Feld *Ergebnis Lesen* eingetragen und von beiden Bewertenden gezeichnet.

4.3 SCHREIBEN

Der Prüfungsteil SCHREIBEN wird von zwei Bewertenden getrennt bewertet. Die Bewertung erfolgt nach festgelegten Bewertungskriterien (s. *Übungssatz*, Teil *Prüferblätter*). Es werden nur die vorgegebenen Punktwerte für jedes der Kriterien vergeben; Zwischenwerte sind nicht zulässig.

Im Prüfungsteil SCHREIBEN sind maximal 12 Punkte erreichbar. Bewertet wird die Reinschrift auf dem *Antwortbogen*.

§ 4 Chấm điểm phần thi viết

Việc chấm bài thi viết diễn ra tại trung tâm tổ chức thi hoặc trong các phòng được chỉ định. Việc chấm thi được thực hiện bởi hai người chấm độc lập. Số điểm đạt được của các phần NGHE, ĐỌC, VIẾT được tổng kết ở phần *Kết quả tổng hợp* trên *Phiếu trả lời*.

Kết quả kỳ thi viết không được chuyển cho người hỏi phần thi nói.

4.1 NGHE

Phần thi NGHE có thể đạt tối đa 18 điểm. Chỉ chấm theo thang điểm cho sẵn, mỗi đáp án được chấm ở mức 1 điểm hoặc 0 điểm. Để tính kết quả, số điểm đã cho được cộng lại và nhân với hệ số 1,5. Nửa điểm không được làm tròn.

Số điểm được ghi vào *Phiếu trả lời* ở phần *Kết quả Nghe* và được cả hai người chấm thi ký xác nhận.

4.2 ĐỌC

Phần thi ĐỌC có thể đạt tối đa 12 điểm. Chỉ chấm theo thang điểm cho sẵn, mỗi đáp án được chấm ở mức 1 điểm hoặc 0 điểm. Để tính kết quả, số điểm đã cho được cộng lại.

Số điểm được ghi vào *Phiếu trả lời* ở phần *Kết quả Đọc* và được cả hai người chấm thi ký xác nhận.

4.3 VIẾT

Phần thi VIẾT được đánh giá độc lập bởi hai người chấm thi. Việc chấm thi dựa trên các tiêu chí đã được quy định (xem *Bài luyện thi mẫu*, phần *Tài liệu dành cho người chấm thi*).

Chỉ những thang điểm quy định đối với từng tiêu chí mới được chấp nhận; điểm không thuộc thang điểm không được chấp nhận.

Phần thi VIẾT có thể đạt tối đa 12 điểm. Chỉ chấm điểm phần chữ viết trên *Phiếu trả lời*.

Bei Abweichungen zwischen Erst- und Zweitbewertung einigen sich die Bewertenden auf gemeinsame Punktwerte. Kommt keine Einigung zustande, entscheidet der/die Prüfungsverantwortliche. Er/Sie kann vor seiner/ihrer Entscheidung eine Drittbewertung veranlassen.

Zur Berechnung des Ergebnisses werden die vergebenen Punkte addiert und mit dem Faktor 2 multipliziert. Die erzielten Punkte werden auf dem *Antwortbogen* eingetragen und von beiden Bewertenden unter Angabe der jeweiligen Bewerbernummer mit Unterschrift gezeichnet.

§ 5 Bewertung Prüfungsteil SPRECHEN

Die Teile 1 bis 3 zur mündlichen Produktion werden von zwei Prüfenden getrennt bewertet. Die Bewertung erfolgt nach festgelegten Bewertungskriterien (s. *Übungssatz*, Teil *Prüferblätter*). Es werden nur die auf dem Bogen *Sprechen – Bewertung* vorgesehenen Punktwerte für jedes der Kriterien vergeben; Zwischenwerte sind nicht zulässig.

Im Prüfungsteil SPRECHEN sind maximal 18 Punkte erreichbar. Zur Berechnung des Ergebnisses werden die vergebenen Punkte addiert und mit dem Faktor 1,5 multipliziert. Halbe Punkte werden nicht aufgerundet.

Zur Ermittlung des Ergebnisses des Prüfungsteils SPRECHEN wird aus beiden Bewertungen das arithmetische Mittel gezogen, das auf dem Bogen *Sprechen – Ergebnis* festgehalten und als rechnerisch richtig gezeichnet wird. Alternativ können die Bewertungen der Prüfenden auch in eine digitale Bewertungsmaske eingegeben werden; unabhängig davon, ob eine papierbasierte oder digitale Prüfung gebucht wurde. Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten; daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

§ 6 Gesamtergebnis

Die Ergebnisse der einzelnen schriftlichen Prüfungsteile und das Ergebnis des Prüfungsteils SPRECHEN werden – auch bei nicht bestandener Prüfung – auf den Bogen *Gesamtergebnis* übertragen. Der Bogen *Gesamtergebnis* wird von beiden Prüfenden unter Angabe der jeweiligen Bewerbernummer mit Unterschrift gezeichnet.

Trong trường hợp có sự chênh lệch điểm giữa lần chấm thứ nhất và lần chấm thứ hai thì hai người chấm thi thống nhất mức điểm chung. Nếu không thể thống nhất được thì người phụ trách kỳ thi ra quyết định. Trước khi ra quyết định, người phụ trách kỳ thi có thể cho chấm lại bài thi lần thứ ba.

Để tính kết quả, điểm đã cho được cộng lại và nhân với hệ số 2.

Điểm tổng này được ghi trên *Phiếu trả lời* và được hai người chấm thi ký xác nhận cùng với mã số của mình

§ 5 Chấm điểm phần thi NÓI

Các phần từ 1 đến 3 của bài thi nói được đánh giá độc lập bởi hai người chấm thi. Việc chấm điểm dựa trên các tiêu chí đã được quy định (xem *Bài luyện thi mẫu*, phần *Tài liệu dành cho người chấm thi*). Chỉ những thang điểm quy định trên *Phiếu chấm Nói* được chấp nhận; điểm không thuộc thang điểm không được chấp nhận.

Phần thi NÓI có điểm tối đa là 18. Để tính kết quả, các điểm đã cho được cộng lại và nhân với hệ số 1,5. Nửa điểm không được làm tròn.

Kết quả của phần thi NÓI được tính bằng trung bình cộng của điểm thi trên hai phiếu chấm. Điểm trung bình cộng này được ghi vào *Phiếu kết quả thi Nói* và có chữ ký xác nhận tính chính xác. Người chấm thi cũng có thể cho điểm trên phiếu đánh giá ở dạng điện tử, không phân biệt thí sinh trước đó đã đăng ký thi dạng đề in trên giấy hay thi dạng điện tử trên máy. Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống thi thông qua mã đăng nhập cá nhân nên không cần ký xác nhận.

§ 6 Kết quả thi

Kết quả của các phần thi viết và kết quả của phần thi NÓI được chuyển vào *Phiếu kết quả tổng hợp* – ngay cả khi thí sinh không đỗ kỳ thi đó. *Phiếu kết quả tổng hợp* được ký xác nhận và có mã số và của cả hai người chấm thi.

6.1 Ermittlung der Gesamtpunktzahl

Zur Ermittlung der Gesamtpunktzahl werden die in den einzelnen Prüfungsteilen erzielten Punkte addiert und auf volle Punkte gerundet.

6.2 Punkte und Prädikate

Die Prüfungsleistungen werden in Form von Punkten und Prädikaten dokumentiert. Es gelten folgende Punkte und Prädikate für die Gesamtpfprüfung:

Punkte	Prädikat
60-50	sehr gut
49-40	gut
39-30	befriedigend
29-0	nicht bestanden

6.3 Bestehen der Prüfung

Maximal können 60 Punkte erreicht werden, 42 Punkte im schriftlichen Teil und 18 Punkte im mündlichen Teil. Die Prüfung ist bestanden, wenn mindestens 30 Punkte (50 % der Maximalpunktzahl) erreicht und alle Prüfungsteile abgelegt wurden.

§ 7 Wiederholung und Zertifizierung der Prüfung

Es gelten § 14 und § 15 der *Prüfungsordnung*. Die Prüfung kann nur als Ganzes wiederholt werden.

§ 8 Schlussbestimmungen

Diese *Durchführungsbestimmungen* treten am 1. September 2023 in Kraft und gelten erstmals für Prüfungsteilnehmende, deren Prüfung nach dem 1. September 2023 stattfindet.

Im Falle von sprachlichen Unstimmigkeiten zwischen den einzelnen Sprachversionen der *Durchführungsbestimmungen* ist die deutsche Fassung maßgeblich.

6.1 Cách tính tổng điểm thi

Để tính tổng điểm, điểm đạt được tại các phần thi riêng lẻ được cộng lại và làm tròn.

6.2 Điểm số và xếp loại

Kết quả thi được thể hiện dưới dạng điểm số và xếp loại. Thang điểm và xếp loại cho cả kỳ thi như sau:

Điểm	Xếp loại
60-50	xuất sắc
49-40	giỏi
39-30	trung bình khá
29-0	không đạt

6.3 Điều kiện đỗ kỳ thi

Điểm tối đa có thể đạt là 60, trong đó 42 điểm cho phần thi viết và 18 điểm cho phần thi nói. Thí sinh đỗ kỳ thi nếu đạt tối thiểu 30 điểm (50% tổng số điểm tối đa) và tham dự tất cả các phần thi.

§ 7 Thi lại và cấp chứng chỉ

Áp dụng § 14 và §15 trong *Quy chế thi*. Thí sinh chỉ có thể thi lại toàn bộ kỳ thi

§ 8 Kết luận

Các quy định tổ chức thi nêu trên có hiệu lực từ ngày 01 tháng 09 năm 2023 và áp dụng cho những thí sinh dự thi sau ngày 01 tháng 09 năm 2023.

Trong trường hợp có những chi tiết không thống nhất giữa các bản dịch của *Các quy định tổ chức thi* này, thì phiên bản bằng tiếng Đức được lấy làm chuẩn.

Legende zu Formatierungen:

VERSAL: Prüfungsnamen und Prüfungsteile (z. B. „Prüfungsteil SPRECHEN“)

kursiv: Dokumentenbezeichnungen, Eigennamen, Verweise (z. B. „Der Bogen *Gesamtergebnis* wird ...“)

ANHANG

Zusätzliche Regelungen zur Durchführung digitaler Deutschprüfungen

Digitale Deutschprüfungen werden in Präsenz an einem Laptop des Prüfungszentrums des Goethe-Instituts abgelegt. Abweichend oder zusätzlich zu den oben stehenden Regelungen gilt Folgendes:

1. Abweichend von 1.2 (Prüfungsmaterialien) gilt:

Sämtliches Prüfungsmaterial der Module/Prüfungsteile LESEN, HÖREN und SCHREIBEN wird den Prüfungsteilnehmenden mittels einer Testplattform digital vorgelegt und von diesen digital bearbeitet. Die Prüfungsteilnehmenden verfassen ihre Texte mit einer deutschen Tastatur. Das digitale Material entspricht inhaltlich der papierbasierten Prüfung. Die Übertragung auf Antwortbögen entfällt, da die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen und ihre Texte direkt auf der Testplattform eingeben. Eine Änderung ihrer Lösungen und ihrer Texte ist so lange möglich, bis das jeweilige Modul bzw. bei nicht-modularen Prüfungen die schriftliche Prüfung abgegeben wurde bzw. die vorgegebene Prüfungszeit abgelaufen ist.

Die Teilnehmenden können am Anfang jedes Moduls bzw. bei nicht-modularen Prüfungen zu Beginn der schriftlichen Prüfung ein Tutorial mit Erklärungen zum Umgang mit der Testplattform ansehen. Die Prüfungszeit startet erst danach.

Die Texte zum Modul/Prüfungsteil HÖREN werden direkt durch die Testplattform über Kopfhörer ausgespielt.

Beim Modul/Prüfungsteil SPRECHEN erhalten die Prüfungsteilnehmenden die Aufgaben weiterhin auf Papier.

2. Abweichend von § 4 (Bewertung) gilt:

Die Aufgaben mit vorgegebenen Antwortmöglichkeiten in den Modulen/Prüfungsteilen LESEN und HÖREN werden technisch automatisiert durch die Testplattform bewertet. Bei den Modulen/Prüfungsteilen SCHREIBEN und SPRECHEN werden die Bewertungen durch zwei voneinander unabhängig Prüfende/Bewertende direkt auf der Testplattform eingegeben. Die Bewertungskriterien entsprechen den Bewertungskriterien der papierbasierten Prüfung. Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten, daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

PHỤ LỤC

Các quy định bổ sung về tổ chức kỳ thi tiếng Đức dạng kỹ thuật số

Các kỳ thi tiếng Đức dạng kỹ thuật số được thực hiện trực tiếp trên máy tính xách tay (Laptop) tại trung tâm tổ chức thi của Viện Goethe. Các điểm sau đây khác hoặc được bổ sung cho các quy định đã được ghi ở phía trên:

1. Điểm khác với mục 1.2 (Tài liệu thi)

Thí sinh nhận tài liệu thi của các mô-đun /các phần thi ĐỌC, NGHE và VIẾT trên một phần mềm thi và làm bài trực tiếp trên nền tảng đó. Thí sinh viết bài làm của mình bằng bàn phím tiếng Đức. Bài thi dạng kỹ thuật số có nội dung tương tự như bài thi dạng in trên giấy. Thí sinh không cần phải chuyển kết quả sang Phiếu trả lời, do đã làm bài thi trực tiếp trên phần mềm thi. Thí sinh có thể thay đổi đáp án và đoạn văn bản cho đến khi nộp bài thi của mô-đun tương ứng cũng như của phần thi viết không theo mô-đun hoặc cho đến khi hết giờ thi.

Khi bắt đầu mỗi mô-đun hay bắt đầu phần thi viết không theo mô-đun, thí sinh có thể xem phần hướng dẫn cách làm bài trên phần mềm thi. Sau đó thời gian thi mới bắt đầu.

Các bài cho mô-đun/phần thi NGHE được phát trực tiếp trên phần mềm thi thông qua thiết bị tai nghe.

Đối với mô-đun/phần thi NÓI, thí sinh tiếp tục nhận đề thi dạng giấy.

2. Điểm khác với § 4 (Chấm điểm)

Bài thi với các đáp án tùy chọn cho sẵn trong mô-đun/phần thi ĐỌC và NGHE được chấm điểm tự động ngay trên phần mềm thi. Mô-đun/phần thi VIẾT và NÓI được chấm độc lập bởi hai người chấm thi trực tiếp trên phần mềm thi. Các tiêu chí chấm thi cũng tương tự như các tiêu chí chấm bài thi trên giấy. Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống phần mềm thi thông qua mã đăng nhập nên không cần ký xác nhận.

Zusätzliche Regelungen zur Durchführung von Online-Deutschprüfungen

Online-Deutschprüfungen werden unter bestimmten Voraussetzungen (vgl. zusätzliche Regelungen in den Anhängen der *Prüfungsordnung* und *Durchführungsbestimmungen*) ortsunabhängig an einem privaten Desktop-Computer oder Laptop abgelegt. Für Online-Deutschprüfungen gilt Folgendes:

1. Abweichend von 1.2 (Prüfungsmaterial) gilt:

Sämtliches Prüfungsmaterial der Module/Prüfungsteile LESEN, HÖREN und SCHREIBEN wird den Prüfungsteilnehmenden mittels einer Testplattform digital vorgelegt und von diesen digital bearbeitet. Das digitale Material entspricht inhaltlich der papierbasierten Prüfung. Die Übertragung auf Antwortbögen entfällt, da die Prüfungsteilnehmenden ihre Lösungen und ihre Texte direkt auf der Testplattform eingeben. Eine Änderung ihrer Lösungen und ihrer Texte ist so lange möglich, bis das jeweilige Modul bzw. bei nicht-modularen Prüfungen die schriftliche Prüfung abgegeben wurde bzw. die vorgegebene Prüfungszeit abgelaufen ist.

Die Teilnehmenden können am Anfang jedes Moduls bzw. bei nicht-modularen Prüfungen zu Beginn der schriftlichen Prüfung ein Tutorial mit Erklärungen zum Umgang mit der Testplattform ansehen. Die Prüfungszeit startet erst danach.

Die Texte zum Modul/Prüfungsteil HÖREN werden direkt durch die Testplattform über den Lautsprecher ausgespielt.

2. Zusätzlich zu 2.1 (Vorbereitung) gilt:

2.1 Die Prüfungsteilnehmenden verwenden einen Desktop-Computer oder Laptop mit Netzbetrieb, stabiler Internetverbindung, integriertem Mikrofon, integriertem/externem Lautsprecher und integrierter/externer Webcam.

2.2 Die Tastatursprache ist auf Deutsch eingestellt.

2.3 Die Prüfungsteilnehmenden stellen die Erfüllung der **technischen Voraussetzungen**, die im Folgenden sowie im Buchungsprozess aufgeführt werden, für die Prüfungsdurchführung eigenverantwortlich sicher:

Các quy định bổ sung về tiến hành kỳ thi tiếng Đức trực tuyến

Trong một số điều kiện nhất định (đối chiếu Các quy định bổ sung trong phần phụ lục của *Quy chế thi* và *Các quy định tổ chức thi*), các kỳ thi tiếng Đức trực tuyến được tiến hành trên máy tính để bàn cá nhân hoặc máy tính xách tay (Laptop) tại bất cứ đâu. Đối với các kỳ thi tiếng Đức trực tuyến áp dụng những phần sau:

1. Điểm khác với mục 1.2 (Tài liệu thi)

Thí sinh nhận tài liệu thi của các mô-đun /các phần thi ĐỌC, NGHE và VIẾT trên một phần mềm thi và làm bài trực tiếp trên nền tảng đó. Bài thi dạng kỹ thuật số có nội dung tương tự như bài thi dạng in trên giấy. Thí sinh không cần phải chuyển kết quả sang Phiếu trả lời, do đã làm bài thi trực tiếp trên phần mềm thi. Thí sinh có thể thay đổi đáp án và đoạn văn bản cho đến khi nộp bài thi của mô-đun tương ứng cũng như của phần thi viết không theo mô-đun hoặc cho đến khi hết giờ thi.

Khi bắt đầu mỗi mô-đun hay bắt đầu phần thi viết không theo mô-đun, thí sinh có thể xem phần hướng dẫn cách làm bài trên phần mềm thi. Sau đó thời gian thi mới bắt đầu.

Các bài cho mô-đun/phần thi NGHE được phát trực tiếp trên phần mềm thi thi thông qua loa.

2. Bổ sung vào 2.1 (Chuẩn bị thi)

2.1. Thí sinh sử dụng một máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay (Laptop) có kết nối mạng, kết nối internet ổn định, có micro tích hợp, loa tích hợp/loa ngoài và webcam tích hợp/webcam ngoài.

2.2. Bàn phím được cài đặt tiếng Đức.

2.3. Thí sinh có trách nhiệm bảo đảm đáp ứng các **điều kiện kỹ thuật** được nêu dưới đây cũng như trong quá trình đặt lịch để có thể thực hiện thi.

Technische Voraussetzungen:

Gerät:

- Desktop-, Laptop-Computer oder Chromebook (Hinweis: Chromebooks können für die Prüfung verwendet werden, aber der technische Support ist nur eingeschränkt möglich)
- Tablets und andere mobile Endgeräte sind nicht zulässig

Monitor:

- ein Monitor oder Bildschirm
- mehrere Monitore oder Doppelbildschirme sind nicht zulässig

Lautsprecher/Mikrofon:

- interner oder externer Lautsprecher sowie ein im Computer oder der Webkamera integriertes Mikrofon
- Kopfhörer mit oder ohne eingebautes Mikrofon oder In-Ear-Kopfhörer sind nicht zulässig.

Kamera:

- Integrierte Kamera oder eine separate Webkamera
Hinweis: Die Kamera muss so bewegt werden können, dass die Prüfungsaufsicht einen 360°-Blick auf den Raum, einschließlich der Tischoberfläche und Tischunterseite, erhält. Wenn die Kamera nicht 360° beweglich ist, muss ein Handspiegel griffbereit sein.

Browser:

- Google-Chrome™-Browser (Popup-Blocker muss deaktiviert werden)
- Browsererweiterungen müssen während der Prüfung deaktiviert sein

Internetverbindung:

- Erforderlich: Upload- und Download-Geschwindigkeit von 5 Mbit/s
- Empfehlung: 10 Mbit/s

2.4 Unmittelbar vor der Prüfungsdurchführung müssen alle Computer-Anwendungen und Programme geschlossen sein, die nicht für die Prüfung relevant sind.

Các điều kiện kỹ thuật:

Thiết bị:

- Máy tính để bàn, máy tính xách tay hoặc Chromebook (lưu ý: Chromebook có thể được sử dụng cho kỳ thi nhưng các hỗ trợ kỹ thuật có thể bị hạn chế)
- Máy tính bảng hoặc và các thiết bị di động không được chấp nhận.

Màn hình:

- Một màn hình điều khiển hoặc màn hình
- Nhiều màn hình hoặc màn hình đôi không được chấp nhận.

Loa / Mi-crô:

- Loa trong hoặc loa ngoài cũng như mi-crô được tích hợp vào máy tính hoặc webcam
- Tai nghe có hay không có kèm mi-crô hoặc tai nghe trong tai không được chấp nhận.

Máy quay:

- Máy quay tích hợp được cài đặt trong máy hoặc Webcam tách rời. Lưu ý: Máy quay phải có chức năng di chuyển, để người trông thi có góc nhìn 360 độ của cả phòng thi, bao gồm mặt bàn và gầm bàn. Nếu máy quay không di chuyển được 360 độ thì phải có gương cầm tay chuẩn bị sẵn sàng trong tầm với.

Trình duyệt:

- Trình duyệt Google-Chrome (Popup-Blocker phải được tắt)
- Các tiện ích mở rộng của trình duyệt phải được tắt trong quá trình làm bài thi.

Kết nối internet

- Yêu cầu: Tốc độ tải lên và tải xuống là 5 Mbit/s
- Đề xuất: 10 Mbit/s

2.4. Ngay trước khi tiến hành kỳ thi, tất cả các ứng dụng và chương trình máy tính không liên quan đến kỳ thi phải được đóng lại.

3. Abweichend von 2.2 (Ablauf) gilt:

3.1 Die Prüfungsteilnehmenden sorgen dafür, dass sie die Prüfung in einem störungsfreien Raum mit adäquaten Licht- und Sitzverhältnissen ablegen. Räume mit mehr als einer Tür oder mit großen Glasfronten sind nicht erlaubt.

3.2 Während der Prüfung befinden sich außer dem/der Prüfungsteilnehmenden keine weiteren Personen oder Haustiere im Raum, Tür und Fenster werden geschlossen.

3.3 Zur Sicherstellung, dass während der Prüfung keine weiteren Personen den Raum betreten, müssen Arbeitsplatz und Webcam so ausgerichtet werden, dass der/die Prüfungsteilnehmende und die Tür permanent im Bild sind.

3.4 Der Prüfungsplatz wird so eingerichtet, dass die Arbeitsfläche leer ist und sich außer dem Desktop-Computer mit Monitor oder Laptop, Lichtbildausweis, ggf. Tastatur und Lautsprecher keine weiteren Gegenstände auf dem Tisch befinden. Wenn der Arbeitstisch über Schubladen verfügt, müssen diese vor der Prüfung leergeäumt werden. Hierzu erfolgt eine Kontrolle.

3.5 Zur Überprüfung der Einhaltung der Prüfungsbedingungen führt die Prüfungsaufsicht zusammen mit dem/der Prüfungsteilnehmenden eine Überprüfung des Raums per Webcam durch. Wenn eine im Laptop integrierte Webcam genutzt wird, müssen die Prüfungsteilnehmenden zusätzlich einen Handspiegel (Durchmesser mind. 10 cm) bereithalten, damit auch der Laptop selbst überprüft werden kann (siehe 2.3).

3.6 Der/Die Prüfungsteilnehmende muss während der ganzen Prüfung erkennbar sein. Das Gesicht und die Ohren des/der Prüfungsteilnehmenden müssen während der gesamten Prüfung sichtbar sein und dürfen nicht verdeckt werden.

3.7 Smartwatches, analoge Uhren, Schmuckstücke im Gesichtsbereich, Haarschmuck sowie gesichtsnahe Accessoires, wie z.B. Tücher, Schals, Krawatten, dürfen während der Prüfung nicht getragen werden, um zu gewährleisten, dass keine unerlaubten technischen Hilfsmittel benutzt werden.

3.8 Mobiltelefone und weitere mobile Endgeräte müssen nachweislich ausgeschaltet und außerhalb der Reichweite des/der Prüfungsteilnehmenden deponiert werden.

3. Điểm khác với 2.2 (Quy trình thi) như sau:

3.1 Các thí sinh phải đảm bảo làm bài thi trong một căn phòng yên tĩnh có đủ điều kiện ánh sáng và chỗ ngồi. Những phòng có nhiều hơn một cửa hoặc có mặt tiền bằng kính lớn không được chấp nhận.

3.2 Trong khi làm bài thi, ngoài thí sinh ra, không có ai khác hay động vật ở trong phòng. Cửa và cửa sổ phải đóng.

3.3 Để đảm bảo rằng không có người nào khác vào phòng trong khi thi thì chỗ ngồi làm bài thi và webcam phải được căn chỉnh sao cho thí sinh và cửa luôn trong khung hình.

3.4 Địa điểm thi phải được bố trí sao cho bề mặt bàn làm bài trống và trên bàn không có đồ vật gì khác ngoài máy tính để bàn có màn hình hoặc máy tính xách tay, giấy tờ tùy thân có ảnh, bàn phím và loa nếu cần. Nếu bàn có ngăn kéo thì ngăn kéo phải được dọn sạch trước khi làm bài thi. Việc này sẽ được kiểm tra.

3.5 Để kiểm tra việc tuân thủ các điều kiện thi, giám thị sẽ kiểm tra phòng qua webcam cùng với thí sinh dự thi. Nếu webcam được tích hợp trên máy tính xách tay, thí sinh phải chuẩn bị thêm gương cầm tay (đường kính ít nhất 10 cm), để có thể kiểm tra cả máy tính xách tay (xem 2.3).

3.6 Trong suốt quá trình làm bài, thí sinh phải được nhận diện rõ. Khuôn mặt và tai của thí sinh phải được nhìn thấy trong suốt quá trình làm bài và không được che khuất.

3.7 Đồng hồ thông minh, các loại đồng hồ tương tự, đồ trang sức ở trên mặt, phụ kiện tóc và phụ kiện gần mặt, ví dụ như khăn choàng, khăn quàng cổ, cà vạt, không được đeo trong quá trình làm bài thi để đảm bảo thí sinh không sử dụng công cụ hỗ trợ kỹ thuật trái phép.

3.8 Điện thoại di động và các thiết bị di động khác phải chứng minh là đã được tắt và để ra khỏi tầm với của thí sinh dự thi.

3.9 Prüfungsteilnehmende verpflichten sich, die vorbereitenden Schritte zur Prüfungsdurchführung sowie die Hinweise der Prüfungsaufsicht zu beachten und Anweisungen umzusetzen.

3.10 Der schriftliche und mündliche Teil der Online-Deutschprüfung findet jeweils als Einzelprüfung statt. Die zeitliche Organisation der Prüfung erfolgt gemäß 1.4.: Falls während der schriftlichen Prüfung ein Toilettengang erforderlich ist, wird der Zeitplan beibehalten und die Prüfungszeit nicht verlängert.

4. Abweichend von § 4 und § 5 (Bewertung) gilt:

Die Aufgaben mit vorgegebenen Antwortmöglichkeiten in den Modulen/Prüfungsteilen LESEN und HÖREN werden technisch automatisiert durch die Testplattform bewertet. Bei den Modulen/Prüfungsteilen SCHREIBEN und SPRECHEN werden die Bewertungen durch zwei voneinander unabhängig Prüfende/Bewertende direkt auf der Testplattform eingegeben. Die Bewertungskriterien entsprechen den Bewertungskriterien der papierbasierten Prüfung (siehe dazu § 4 und § 5). Die Prüfenden und Bewertenden authentifizieren sich auf der Testplattform durch individuelle Login-Daten, daher entfällt die Notwendigkeit einer Unterschrift.

3.9 Thí sinh cam kết tuân thủ các bước chuẩn bị cho kỳ thi cũng như các hướng dẫn của giám thị và thực hiện các hướng dẫn.

3.10 Các phần viết và nói của kỳ thi tiếng Đức trực tuyến diễn ra dưới dạng các kỳ thi riêng lẻ. Thời gian làm bài diễn ra như 1.4.: Nếu cần phải đi vệ sinh trong quá trình làm bài viết, tiến trình thi được giữ nguyên và thời gian làm bài không được kéo dài.

4. Điểm khác với § 4 và § 5 (Chấm điểm) như sau:

Bài thi với các đáp án tùy chọn cho sẵn trong mô-đun/phần thi ĐỌC và NGHE được chấm điểm tự động ngay trên phần mềm thi. Mô-đun/phần thi VIẾT và NÓI được chấm độc lập bởi hai người chấm thi trực tiếp trên phần mềm thi. Các tiêu chí chấm thi cũng tương tự như các tiêu chí chấm bài thi trên giấy (xem thêm § 4 và § 5). Người hỏi thi và chấm thi xác thực danh tính trên hệ thống phần mềm thi thông qua mã đăng nhập nên không cần ký xác nhận